

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KINH TẾ VIỆT NAM

VŨ THỊ DẬU

**CHÍNH SÁCH LẠI SUẤT
TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI KINH TẾ
Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Kinh tế chính trị XHCN
Mã số : 50201

**TÓM TẮT
LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

Người hướng dẫn khoa học:
1. PGS. TS. Phí Mạnh Hồng
2. PGS.TS. Ngô Xuân Bình

HÀ NỘI - 2007

*Công trình được hoàn thành tại:
Viện Kinh tế Việt Nam - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam*

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS. TS. Phí Mạnh Hồng
2. PGS.TS. Ngô Xuân Bình

Phản biện 1: PGS.TS Đào Văn Hùng.....

Phản biện 2: PGS.TS Quách Đức Pháp

Phản biện 3: PGS.TS Lê Bộ Lĩnh

Luận án đã bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp nhà nước
Họp tại: *Viện Kinh tế Việt Nam*

Vào hồi 13 giờ 30 ngày 28 tháng 01 năm 2008

Có thể tìm hiểu thông tin luận án tại:
- Thư viện Quốc gia Hà Nội.
- Thư viện Viện Kinh tế Việt Nam - Viện KHXH Việt Nam

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Vũ Thị Dậu (2002), *Vấn đề sử dụng các công cụ của chính sách tiền tệ và thực tiễn ở Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 9, tr 40- 43.

2. Vũ Thị Dậu (2004), *Sử dụng công cụ lãi suất trong kiểm soát lạm phát ở Việt Nam*, Tạp chí khoa học, chuyên san Kinh tế – Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 4, tr 60- 68.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, lãi suất là một loại giá rất nhạy cảm và là một biến số trung tâm, luôn được theo dõi một cách chặt chẽ. Các nhà kinh tế cho rằng, sự dao động của lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới thu nhập quốc dân, tới quyết định tiết kiệm và đầu tư của các cá nhân và doanh nghiệp, tới tỷ giá hối đoái, do đó, tới cán cân thương mại. Chính vì vậy, việc hoạch định và thực thi chính sách lãi suất để kiểm soát lãi suất, từ đó thực hiện có hiệu quả các mục tiêu trong nền kinh tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Thực tế cho thấy, một chính sách lãi suất đúng đắn sẽ có tác động tích cực tới việc đạt được các mục tiêu kinh tế, ngược lại, khi chính sách lãi suất không phù hợp sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng của nền kinh tế.

Trước đổi mới kinh tế, nền kinh tế Việt Nam hoạt động theo cơ chế kinh tế kế hoạch hoá tập trung. Trong nền kinh tế ấy, lãi suất không được coi là biến số kinh tế thực sự, nó không có được vai trò đích thực của một biến số trung tâm trong hoạt động kinh tế. Từ năm 1986, Việt Nam tiến hành đổi mới kinh tế, đã chuyển dần nền kinh tế sang hoạt động theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Cùng với việc hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chính sách lãi suất của Việt Nam đã từng bước được đổi mới theo hướng tự do hóa và đã phát huy được tác dụng trong nền kinh tế mới. Tuy nhiên, quá trình tự do hóa lãi suất chưa hoàn thành, việc điều hành lãi suất còn nhiều bất cập khiến cho lãi suất chưa có được những vai trò như vốn có của nó trong quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam. Điều đó cho thấy sự cần thiết của việc tiếp tục hoàn thiện chính sách lãi suất trong giai đoạn phát triển mới của Việt Nam: giai đoạn đẩy mạnh đổi mới kinh tế và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Trên ý nghĩa ấy, tác giả chọn đề tài: *”Chính sách lãi suất trong quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam”* làm đề tài luận án tiến sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu

Chính sách lãi suất luôn là vấn đề mang tính thời sự cao do lãi suất là biến số trung tâm và nhạy cảm trong nền kinh tế. Vì vậy, nó đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước. Những kết quả nghiên cứu về lãi suất của Các Mác, J. M.Keynes, M. Friedman, F. S. Miskin...và những kinh nghiệm

thực tiễn ở các quốc gia đã cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xây dựng và điều hành chính sách lãi suất trong nền kinh tế các quốc gia.

Ở Việt Nam, đã có một số cuốn sách, nhiều tham luận trong các hội thảo khoa học, một số bài báo và tạp chí của các tác giả (Lê Văn Tư, Lê Vinh Danh, Nguyễn Đình Tài, Nguyễn Đắc Hưng, Hoàng Xuân Quế, Lê Tuấn Nghĩa, Tô Kim Ngọc...); luận án của các tác giả Đinh Xuân Hạng, Vũ Văn Long, Nguyễn Xuân Luật đã nghiên cứu về những khía cạnh khác nhau, trên những giác độ khác nhau của chính sách lãi suất trong nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào nghiên cứu về chính sách lãi suất gắn liền với quá trình đổi mới kinh tế Việt Nam một cách hệ thống và toàn diện theo cách tiếp cận kinh tế chính trị.

3. Mục đích nghiên cứu của đề tài

1/ Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách lãi suất trong nền kinh tế thị trường.

2/ Tổng kết, đánh giá về chính sách lãi suất của Việt Nam nhằm phát hiện ra những vấn đề bất cập trong chính sách lãi suất giai đoạn 1986- 2005.

3/ Đưa ra những quan điểm định hướng và giải pháp cho việc hoàn thiện chính sách lãi suất trong giai đoạn tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của luận án là chính sách lãi suất, được tiếp cận dưới góc độ kinh tế chính trị học.

Phạm vi của luận án giới hạn chủ yếu ở việc nghiên cứu chính sách lãi suất trong quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam (từ năm 1986 – 2005).

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Luận án tiếp cận vấn đề từ quan điểm kinh tế thị trường về lãi suất và chính sách lãi suất, gắn việc nghiên cứu đề tài với đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước trong khung cảnh đổi mới kinh tế Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện đề tài, luận án sử dụng những phương pháp chung trong nghiên cứu kinh tế chính trị và kinh tế học: lấy phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm phương pháp luận cơ bản, sử dụng phương pháp trừu tượng hoá khoa học. Luận án sử dụng các phương pháp phân tích -

tổng hợp; phương pháp logic kết hợp với lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê để thực hiện đề tài nghiên cứu.

Luận án sử dụng các công cụ phân tích kinh tế như: số liệu và chỉ số, biểu đồ, đồ thị, mô hình kinh tế... trong việc phân tích và thể hiện nội dung đề tài.

6. Đóng góp mới của luận án

Luận án có một số đóng góp sau:

1/ Luận án đưa ra cách tiếp cận mới về việc nghiên cứu chính sách lãi suất của Việt Nam: đi từ quan điểm kinh tế thị trường và đặt việc nghiên cứu trong khung cảnh của quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam.

2/ Làm rõ thêm cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách lãi trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt trong các nền kinh tế chuyển đổi từ kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường.

3/ Tổng kết, đánh giá những đổi mới trong chính sách lãi suất gắn liền với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về đổi mới kinh tế và tác động của nó tới quá trình đổi mới kinh tế Việt Nam.

4/ Làm rõ những định hướng và đưa ra một số giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện chính sách lãi suất, gắn với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

7. Kết cấu luận án

Ngoài lời mở đầu, kết luận, danh mục các tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận án gồm 3 chương:

- *Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách lãi suất trong nền kinh tế thị trường.*

- *Chương 2: Những đổi mới và tác động của chính sách lãi suất trong quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam.*

- *Chương 3: Định hướng và giải pháp tiếp tục hoàn thiện chính sách lãi suất trong nền kinh tế thị trường Việt Nam.*

NỘI DUNG

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT

TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.1. LÃI SUẤT TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.1.1 Lãi suất và cơ chế hình thành lãi suất

Theo quan điểm kinh tế thị trường, lãi suất là giá cả của quyền được sử dụng vốn vay, hay là giá cả của hàng hóa vốn trên thị trường. Luận án trình bày hai cách giải thích về cơ chế hình thành và vận động của lãi suất trên thị trường: khuôn mẫu tiền vay và khuôn mẫu ưa thích tiền mặt. Việc quan niệm lãi suất là một loại giá có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì khi đó lãi suất là một biến số được quyết định chủ yếu bởi quan hệ cung - cầu vốn trên thị trường và luôn thay đổi theo những biến động của thị trường; cơ chế hình thành và vận động của lãi suất chịu sự chi phối của các quy luật thị trường. Điều đó cũng hàm ý rằng: việc cố định lãi suất ở một mức nào đó, hoặc một sự can thiệp quá sâu vào lãi suất đều sẽ làm méo mó biến số này.

1.1.2 Vai trò của lãi suất

Luận án khái quát các vai trò cơ bản của lãi suất:

- 1/ Lãi suất là căn cứ phân bổ các nguồn lực kinh tế;
- 2/ Lãi suất là công cụ ổn định kinh tế vĩ mô;
- 3/ Lãi suất là nhân tố tăng trưởng kinh tế;
- 4/ Lãi suất có ảnh hưởng tới tình trạng của khu vực tài chính trung gian.

Trong thực tế, Ngân hàng Trung ương các nước đã coi lãi suất vừa là mục tiêu trung gian, vừa là một bộ phận của chính sách tiền tệ quốc gia, được sử dụng nhằm thực hiện các mục tiêu của chính sách tiền tệ.

Luận án chỉ ra: lãi suất chỉ có được các vai trò trên khi hội đủ các điều kiện sau đây:

1/ Thị trường tín dụng phải thống nhất và mang tính cạnh tranh cao để lãi suất thực sự là lãi suất thị trường.

2/ Các chủ thể kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp và ngân hàng phải hoạt động theo các nguyên tắc thị trường để các chủ thể này trở nên nhạy cảm với sự thay đổi của lãi suất.

3/ Ngân hàng Trung ương phải là một cơ quan quản lý Nhà nước thực sự để có đủ năng lực điều hành chính sách tiền tệ nói chung, chính sách lãi suất nói riêng một cách hiệu quả.

4/ Nhà nước chỉ can thiệp vào hoạt động kinh tế khi có thất bại thị trường.

Điều đó đã lý giải thực tế trong các nền kinh tế đang phát triển và chuyển đổi là: khi nền kinh tế thị trường đang còn trong quá trình hình thành và hoàn thiện thì lãi suất chưa thực sự là lãi suất thị trường, nó chưa thể có được những vai trò như vốn có.

1.2 CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.2.1 Mục tiêu và công cụ của chính sách lãi suất

Chính sách lãi suất là một bộ phận của chính sách tiền tệ, do vậy, mục tiêu của chính sách lãi suất cũng là mục tiêu của chính sách tiền tệ, đó là: kiểm soát lãi suất nhằm tăng trưởng kinh tế, ổn định giá cả và ổn định thị trường tài chính.

Để thực hiện các mục tiêu trên, các quốc gia có thể sử dụng các công cụ điều tiết trực tiếp hoặc các công cụ điều tiết gián tiếp để ảnh hưởng tới lãi suất. Các công cụ điều tiết trực tiếp là hệ thống những quy định của Nhà nước (hay của Ngân hàng Trung ương) về các mức lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay, hoặc “sàn”, “trần” lãi suất, khung lãi suất... Các công cụ điều tiết gián tiếp lãi suất chủ yếu gồm: nghiệp vụ thị trường mở, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu.

1.2.2 Các nhân tố ảnh hưởng tới chính sách lãi suất

Việc hoạch định và hiệu lực của chính sách lãi suất phụ thuộc vào nhiều nhân tố khác nhau như: trình độ phát triển của nền kinh tế thị trường, mục tiêu chiến lược về kinh tế- xã hội của một quốc gia, mức độ hội nhập của nền kinh tế và mức độ độc lập với Chính phủ của Ngân hàng Trung ương trong việc điều hành chính sách tiền tệ.

Khái quát những nguyên lý cơ bản về chính sách lãi suất, luận án khẳng định:

Một là, chính sách lãi suất trong nền kinh tế thị trường phải là chính sách lãi suất được xây dựng theo các nguyên tắc thị trường.

Hai là, các nền kinh tế đang trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế thị trường, lãi suất chưa phải là lãi suất thị trường, môi trường thị trường chưa hoàn hảo, năng lực điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Trung ương còn hạn chế... thì việc hoạch định chính sách lãi suất theo các nguyên tắc thị trường còn nhiều khó khăn và hiệu lực của chính sách chưa cao.

1.3 CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT TRONG CÁC NỀN KINH TẾ CHUYỂN ĐỔI TỪ KẾ HOẠCH HOÁ TẬP TRUNG SANG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1.3.1 Đặc điểm của các nền kinh tế chuyển đổi

Luận án đi từ việc khái quát những đặc điểm của các nền kinh tế chuyển đổi để nghiên cứu việc xây dựng và thực thi chính sách lãi suất trong các nền kinh tế này, đó là:

1/ Thể chế thị trường đang trong quá trình xây dựng nên chưa hoàn thiện, các chủ thể trong nền kinh tế hoạt động chưa vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

2/ Hệ thống tài chính chưa phát triển.

3/ Sự can thiệp của Nhà nước vào các hoạt động kinh tế còn khá lớn.

Từ đó luận án chỉ ra: do những đặc điểm của nền kinh tế chuyển đổi mà việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống công cụ kinh tế vĩ mô, trong đó có chính sách lãi suất theo hướng thị trường là quá trình không thể diễn ra một cách nhanh chóng và hiệu lực của chính sách còn thấp.

1.3.2 Chính sách lãi suất trong các nền kinh tế chuyển đổi

Nghiên cứu chính sách lãi suất trong các nền kinh tế chuyển đổi, đặc biệt của Trung Quốc (được coi là quốc gia đã thành công trong chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường), luận án cho thấy: khi nền kinh tế đã định hướng thị trường một cách rõ rệt thì lãi suất đã từng bước trở thành một trong những công cụ điều hành kinh tế hiệu quả trong các quốc gia này.

Bước đầu tiên trong những cải cách chính sách lãi suất ở các nền kinh tế chuyển đổi là những nỗ lực thực hiện chính sách lãi suất thực dương, xử lý những bất hợp lý giữa lãi suất ngắn hạn với lãi suất dài hạn, xóa bỏ sự phân biệt về lãi suất giữa các khu vực của nền kinh tế, đặc biệt là tách lãi suất cho vay chính sách ra khỏi hoạt động cho vay thương mại. Theo đuổi chính sách lãi suất tự do hóa, các nền kinh tế chuyển đổi đã thực hiện một cách thận trọng, được tiến hành theo nhiều bước. Quá trình này diễn ra ở các nước không giống nhau, song điểm chung là đều thực hiện nới lỏng dần sự kiểm soát trực tiếp của Ngân hàng Trung ương đối với lãi suất, đưa dần các yếu tố thị trường vào việc xác định lãi suất, đến khi nền kinh tế đã có được một hệ thống giám sát chặt chẽ mới thả nổi hoàn toàn lãi suất.

1.3.3 Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Từ việc nghiên cứu chính sách lãi suất trong các nền kinh tế chuyển đổi, đặc biệt là việc nghiên cứu quá trình xây dựng và thực thi chính sách lãi suất theo các nguyên tắc thị trường của Trung Quốc, luận án đưa ra một số bài học kinh nghiệm, đó là những gợi ý rất quan trọng cho Việt Nam:

1/ Phải có sự đổi mới trong nhận thức về lãi suất và chính sách lãi suất.

2/ Chính sách lãi suất theo hướng thị trường phải được xây dựng theo lộ trình cải cách kinh tế và phù hợp với sự phát triển của khu vực tài chính.

3/ Sự cần thiết của việc xác định rõ ràng mục tiêu của chính sách lãi suất.

4/ Cần hoàn thiện các công cụ điều hành gián tiếp lãi suất và thiết lập được cơ chế kiểm soát hiệu quả lãi suất thị trường.

5/ Phát triển thị trường tiền tệ và cải cách mạnh mẽ Ngân hàng Trung ương.

* **Tóm tắt chương 1:**

1/ Trong nền kinh tế thị trường, lãi suất là giá cả của hàng hóa vốn. Việc khẳng định lãi suất là một loại giá có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì khi đó lãi suất là biến số chủ yếu do thị trường quyết định và nó sẽ biến đổi theo những biến động của thị trường, cơ chế hình thành và vận động của lãi suất chịu sự chi phối của các qui luật thị trường. Khi đó, lãi suất mới phản ánh chính xác mức độ khan hiếm vốn và trở thành công cụ điều tiết kinh tế hiệu quả.

2/ Chính sách lãi suất là một bộ phận của chính sách tiền tệ quốc gia, được sử dụng để thực hiện mục tiêu của chính sách tiền tệ. Trong nền kinh tế thị trường, các quốc gia thường sử dụng các công cụ gián tiếp của chính sách lãi suất tác động tới cung– cầu tiền, do đó tới lãi suất. Tuy nhiên, việc hoạch định và hiệu lực của chính sách lãi suất phụ thuộc vào nhiều nhân tố như: trình độ phát triển của thị trường, tình trạng của hệ thống tài chính, mức độ độc lập của Ngân hàng Trung ương và mức độ hội nhập quốc tế của nền kinh tế.

3/ Trong các nền kinh tế chuyển đổi từ kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường, chính sách lãi suất luôn được điều chỉnh theo hướng tăng cường các nguyên tắc thị trường trong xác định và điều hành lãi suất. Kinh nghiệm của các nền kinh tế này, đặc biệt là kinh nghiệm của Trung Quốc là những gợi ý quan trọng đối với việc xây dựng và thực thi chính sách lãi suất theo các nguyên tắc thị trường của Việt Nam.

Chương 2

NHỮNG ĐỔI MỚI VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI KINH TẾ VIỆT NAM

2.1 CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT CỦA VIỆT NAM TRƯỚC ĐỔI MỚI KINH TẾ

2.1.1 Đặc điểm của chính sách lãi suất Việt Nam trước đổi mới kinh tế

Trước đổi mới kinh tế ở Việt Nam, lãi suất không được coi là một loại giá cả mà chỉ là một công cụ được sử dụng để phân phối lại thu nhập quốc dân, phân phối lại giá trị sản phẩm thặng dư trong xã hội. Từ quan niệm đó, chính sách lãi suất được xây dựng theo nguyên lý kế hoạch hóa tập trung, trong đó Nhà nước can thiệp trực tiếp vào lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng. Luận án đã khái quát những đặc điểm của chính sách lãi suất trước đổi mới kinh tế, đó là:

1/ Chính sách lãi suất thực âm và thấp (xem bảng 2.1).

Bảng 2.1: Biểu lãi suất tiết kiệm và tỷ lệ lạm phát

Đơn vị: %/năm

Năm	Lãi suất tiết kiệm	Tỷ lệ lạm phát	Lãi suất thực
1983	14,0 – 20,0	49,0	- 29,0 đến - 25,0
1984	24,0 – 30,0	64,0	- 40,0 đến - 34,0
1985	24,0 – 36,0	91,6	- 67,6 đến - 55,6

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (1991), *Thông tin chuyên đề tập 1*[45]

2/ Chính sách lãi suất thể hiện sự phân biệt đối xử giữa những đối tượng và những loại tín dụng khác nhau.

3/ Chính sách lãi suất mang nặng tính quan liêu, bao cấp.

2.1.2 Hậu quả của chính sách lãi suất trước đổi mới kinh tế

Luận án phân tích những hậu quả của chính sách lãi suất theo nguyên lý kế hoạch hóa tập trung trong thời kỳ trước đổi mới kinh tế của Việt Nam, đó là:

1/ Lãi suất thực âm được duy trì trong thời gian dài đã làm triệt tiêu nguồn tiết kiệm và gây nên nhiều bất hợp lý.

2/ Lãi suất thấp đã làm suy yếu các doanh nghiệp được vay vốn.

3/ Lãi suất thực âm khiến ngân hàng bị thua lỗ.

4/ Chính sách lãi suất làm gia tăng lạm phát.

Luận án chỉ ra: hậu quả tất yếu của việc duy trì cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung và sự méo mó trong các chính sách kinh tế, trong đó có chính sách lãi suất đã dẫn đến nền kinh tế Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng giai đoạn 1976- 1985. Do vậy, việc đoạn tuyệt với cơ chế kinh tế này, chuyển nền kinh tế sang hoạt động theo cơ chế thị trường là tất yếu ở Việt Nam. Việt Nam coi việc phát triển kinh tế thị trường là con đường thực hiện mục tiêu kinh tế- xã hội của đất nước. Quan điểm đổi mới của Đại hội VI là: nền kinh tế chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường phải được quản lý chủ yếu bằng các phương pháp kinh tế, trong đó chính sách tài chính- tiền tệ có vai trò trọng yếu trong việc chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh, chống lạm phát, ổn định sức mua của đồng tiền, lãi suất và tỷ giá được coi là những công cụ điều hành kinh tế quan trọng. Do vậy, cần phải đổi mới trong xây dựng và điều hành chính sách lãi suất theo các nguyên tắc thị trường cho phù hợp với quá trình đổi mới kinh tế Việt Nam.

2.2 NHỮNG ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI KINH TẾ Ở VIỆT NAM

Luận án tổng kết về quá trình đổi mới chính sách lãi suất ở Việt Nam gắn với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước, với khung cảnh đổi mới kinh tế, đặc biệt là đổi mới hệ thống tài chính. Nằm sau quá trình đổi mới chính sách lãi suất ở Việt Nam là quá trình hoàn thiện dần các cấu trúc thể chế thị trường. Vì thế, tiến trình đổi mới chính sách lãi suất cũng là tiến trình từng bước tự do hoá lãi suất. Chính sách lãi suất Việt Nam đã được đổi mới với những bước đi thận trọng theo hướng khắc phục dần những bất hợp lý trong chính sách lãi suất hiện hành và hướng tới chính sách lãi suất theo các nguyên tắc thị trường.

2.2.1 Chuyển từ chính sách lãi suất thực âm sang chính sách lãi suất thực dương

Bảng 2.5: Diễn biến của lãi suất từ năm 1991- 1995 (Đơn vị: %/năm)

Năm	Lạm phát	LSTK	LSCV	LSCV thực	LSTK thực
1991	67,60	48,00	42,00	- 25,60	- 19,60
1992	17,60	24,00	32,40	14,80	6,40
1993	5,20	20,40	25,20	20,00	15,20
1994	14,40	15,60	19,20	4,80	1,20
1995	12,70	16,80	20,40	7,70	4,10

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, *Báo cáo thường niên năm 1991, 1992, 1993, 1994, 1995* [46]

Thực hiện chính sách lãi suất thực dương là khâu đầu tiên trong đổi mới chính sách lãi suất của Việt Nam. Động thái này thể hiện nhận thức mới về lãi suất và vai trò của biến số này trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Quá trình thực hiện chính sách lãi suất này được luận án trình bày một cách khái quát: bắt đầu từ năm 1989, nhưng chỉ chấm dứt tình trạng lãi suất thực âm kéo dài vào năm 1992(xem bảng 2.5). Tuy nhiên, tại những thời điểm nhất định vẫn còn tình trạng lãi suất thực âm. Luận án cho rằng: việc duy trì chính sách lãi suất thực dương trong điều kiện nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi sẽ có nhiều trở ngại, điều đó đòi hỏi phải có công tác dự báo kinh tế tốt và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần có sự chủ động hơn trong điều hành chính sách.

2.2.2 Từng bước nói lỏng dần sự can thiệp của Ngân hàng Nhà nước tới lãi suất, theo đuổi chính sách lãi suất tự do hóa

Theo đuổi chính sách lãi suất theo các nguyên tắc thị trường ở Việt Nam được bắt đầu cùng với quá trình cải cách doanh nghiệp, cải cách hệ thống ngân hàng và xây dựng thị trường tài chính. Luận án đi từ việc phân tích bối cảnh kinh tế mới trong các giai đoạn phát triển của đất nước, những mục tiêu đặt ra cho nền kinh tế, vị trí của chính sách tiền tệ nói chung, của chính sách lãi suất nói riêng để xác định mục tiêu và bước đi của quá trình đổi mới trong chính sách lãi suất.

Từ 1990 – 1995, Ngân hàng Nhà nước qui định khung lãi suất đối với các tổ chức tín dụng. Ban đầu còn qui định nhiều khung lãi suất, nhưng từ năm 1994 chỉ còn qui định một khung lãi suất thống nhất đối với mọi đối tượng khách hàng.

Từ năm 1996 - tháng 7/2000, Ngân hàng Nhà nước chỉ qui định trần lãi suất cho vay tối đa.

Bảng 2.7: Điều chỉnh trần lãi suất cho vay tối đa từ năm 1996 - 1999

Đơn vị: %/tháng

Trần LSCV	1/1996	1/1997	1/1998	1/1999	6/2000
Ngắn hạn	1,75	1,00	1,20	1,25	0,85
Dài hạn	1,70	1,10	1,25	1,25	1,00

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, *Báo cáo thường niên các năm 1996, 1997, 1998, 1999, 2000* [46]

Trong giai đoạn này, chính sách lãi suất đã xóa bỏ được sự bất hợp lý giữa lãi suất ngắn hạn và lãi suất dài hạn trong kinh doanh của các tổ chức tín dụng.

Từ tháng 8/2000 đến tháng 5/2002, Ngân hàng Nhà nước đã chuyển sang cơ chế điều hành lãi suất theo lãi suất cơ bản (xem bảng 2.9).

Bảng 2.9: Lãi suất cơ bản từ tháng 8/2000- tháng 5/2002 (Đơn vị: %/tháng)

Thời điểm	8/2000 - 2/2001	3/2001	4-5/2001	6-9/2001	10/2001- 7/2002
Mức lãi suất (VND)	0,75	0,725	0,70	0,650	0,60

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, *Báo cáo thường niên năm 2000, 2001, 2002*[46]

Luận án đưa ra nhận xét: chính sách điều hành lãi suất kinh doanh theo lãi suất cơ bản được đánh giá là đã tạo ra được một bước tiến quan trọng trong lộ trình tiến tới lãi suất thị trường ở Việt Nam. Trong điều kiện các công cụ điều hành lãi suất gián tiếp chưa hoàn thiện, môi trường cạnh tranh trên thị trường tín dụng còn hạn chế, hoạt động của hệ thống ngân hàng còn bị chi phối bởi những mục tiêu chính sách xã hội và chính sách cơ cấu kinh tế, thì việc thực hiện chính sách lãi suất này được coi là bước đi phù hợp trong quá trình tự do hóa lãi suất. Tuy nhiên, việc điều hành lãi suất này vẫn thể hiện sự can thiệp trực tiếp của Ngân hàng Nhà nước tới lãi suất. Lãi suất cơ bản cho đến trước tháng 6/2002 thực chất vẫn là “trần” lãi suất cho vay tối đa, khiến cho các hoạt động của các tổ chức tín dụng vẫn bị gò bó bởi qui định còn mang tính hành chính của chính sách lãi suất này.

Từ tháng 6/2002 – 2005, Ngân hàng Nhà nước ban hành cơ chế lãi suất cho vay thoả thuận trong hoạt động tín dụng thương mại bằng đồng VND.

Bảng 2.10: Điều chỉnh các loại lãi suất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố từ 2003 – 2005

Đơn vị: %/năm

Thời gian điều chỉnh	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất cơ bản
1/8/2003	5,00	3,00	7,20
15/1/2005	5,50	3,50	7,50
1/2/2005	5,50	3,50	7,80
1/4/2005	6,00	4,00	7,80
1/12/2005	6,50	4,50	8,25

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, *Báo cáo thường niên năm 2003, 2004, 2005* [46]

Hàng tháng, Ngân hàng Nhà nước công bố các loại lãi suất như: lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu để định hướng và điều tiết thị trường (xem bảng 2.10).

Sự phát triển của thị trường tiền tệ đã cho phép Ngân hàng Nhà nước từng bước đưa nghiệp vụ thị trường mở trở thành công cụ quan trọng trong điều hành lãi suất: tăng số phiên giao dịch và doanh số giao dịch nhằm điều tiết kịp thời về vốn khả dụng cho các tổ chức tín dụng, từ đó tác động đến lãi suất kinh doanh. Mặc dù nghiệp vụ thị trường mở chưa tổ chức được hàng ngày để có những tác động thường xuyên tới lãi suất, nhưng điều đó cũng đã làm thay đổi phương thức điều hành lãi suất của Ngân hàng Trung ương để thực hiện các mục tiêu của chính sách tiền tệ.

Thị trường liên ngân hàng của Việt Nam còn rất hạn chế về qui mô và các giao dịch, nhưng biến động của lãi suất liên ngân hàng cũng đã phản ánh được xu hướng biến động cung- cầu vốn trên thị trường.

Số liệu bảng 2.12 cho thấy: lãi suất liên ngân hàng có xu hướng tăng đối với tất cả các kỳ hạn trong giai đoạn 200-2005. Loại lãi suất này cũng được Ngân hàng Nhà nước coi như một tín hiệu tốt của thị trường.

Bảng 2.12 Lãi suất giao dịch bình quân trên thị trường liên ngân hàng

Đơn vị : %/năm

Loại kỳ hạn	2001	2002	2003	2004	2005
1 tuần	5,86	5,99	5,30	5,17	6,05
1 tháng	6,75	6,84	6,37	6,23	7,17
3 tháng	7,10	7,45	7,22	6,98	7,64
6 tháng	7,70	7,78	7,78	7,43	7,95

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, *Báo cáo thường niên năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005*[46].

Đến đây luận án tổng kết việc theo đuổi chính sách lãi suất theo nguyên tắc thị trường của Việt Nam: đó là quá trình thận trọng, trải qua những bước điều chỉnh theo quá trình đổi mới nền kinh tế. Lãi suất kinh doanh từ chỗ do Ngân hàng Nhà nước ấn định (trước năm 1990), đã tiến tới gạt bỏ dần những yếu tố phi thị trường trong xác định lãi suất và nói lỏng dần sự can thiệp của Ngân hàng Nhà nước tới lãi suất kinh

doanh (từ 1990 – 7/2000). Việc thực hiện điều hành lãi suất theo lãi suất cơ bản (từ 8/2000 – 5/2002) là bước chuẩn bị cho việc chuyển sang thực hiện lãi suất theo các nguyên tắc thị trường. Từ tháng 6/2001, Ngân hàng Nhà nước thả nổi lãi suất cho vay ngoại tệ và từ tháng 6/2002, thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận - lãi suất kinh doanh đã bắt đầu được xác lập theo tín hiệu thị trường. Mặc dù vậy, lãi suất thỏa thuận vẫn phản ánh tính chất không hoàn thiện của cấu trúc thị trường tài chính Việt Nam, khiến cho nó chưa thực sự là biến số chủ yếu do thị trường quyết định.

2.2.3 Tách lãi suất ưu đãi ra khỏi hoạt động kinh doanh ngân hàng

Sự ra đời của Ngân hàng Chính sách xã hội (năm 2003) đã cho phép tách lãi suất ưu đãi ra khỏi lãi suất kinh doanh, loại bỏ dần các yếu tố phi kinh tế trong lãi suất. Đây được coi là một nỗ lực của Việt Nam trong việc làm cho lãi suất gần hơn với lãi suất thị trường như vốn có của nó (xem bảng 2.12).

Bảng 2.14 Các mức lãi suất áp dụng của Ngân hàng Chính sách xã hội*

Đơn vị: %/tháng

	1/1996	1/1997	7/1997	9/1999	1/2005	1/2006
1. Cho vay hộ nghèo	1,20	1,00	0,80	0,70	0,50	0,65
2. Cho vay chương trình 135	1,05	0,95	0,75	0,65	0,45	0,60
3. Cho vay chương trình 120	1,20	1,00	0,80	0,70	0,50	0,65

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, *Báo cáo thường niên các năm 1996, 1997, 1999, 2005*[46]

*Số liệu về lãi suất trước năm 2003 là của Ngân hàng Phục vụ người nghèo.

Nhận xét về những đổi mới trong chính sách lãi suất của Việt Nam, luận án chỉ rõ: đó là quá trình chuyển từ chính sách lãi suất thực âm sang chính sách lãi suất thực dương, là quá trình theo đuổi chính sách lãi suất theo tín hiệu thị trường, loại bỏ dần những yếu tố phi kinh tế trong xác định lãi suất kinh doanh. Những đổi mới trong chính sách lãi suất đã cho phép lãi suất từng bước trở thành giá cả hàng hóa vốn do thị trường quyết định, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

2.3 ĐÁNH GIÁ VỀ CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI KINH TẾ Ở VIỆT NAM

2.3.1 Những thành công và tác động của chính sách lãi suất

2.3.1.1 Những thành công

Luận án đánh giá những thành công trong đổi mới chính sách lãi suất của Việt Nam, đó là:

1/ Tiến độ điều tiết lãi suất theo hướng thị trường phù hợp với bối cảnh kinh tế trong nước và quốc tế. Việc lựa chọn lộ trình từ nới lỏng dần sự can thiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tới tự do hóa lãi suất là hoàn toàn đúng đắn.

2/ Việc hoạch định và điều chỉnh chính sách lãi suất đã bước đầu mang tính khoa học, phù hợp với các nguyên tắc thị trường: đã chú trọng hơn đến các yếu tố như: lạm phát, rủi ro, kỳ hạn, tỷ giá hối đoái, quan hệ cung – cầu về vốn. Về cơ bản, đã xóa bỏ được lãi suất mang tính bao cấp, thực hiện cơ chế lãi suất thực dương, khắc phục sự bất hợp lý là lãi suất cho vay ngắn hạn cao hơn lãi suất cho vay dài hạn...

3/ Chính sách lãi suất tự do hóa đã cho phép lãi suất có những tác động tích cực đối với nền kinh tế.

2.3.1.2. Những tác động của chính sách lãi suất

**Phân bổ các nguồn lực kinh tế*

Luận án chỉ rõ: đổi mới chính sách lãi suất trong tiến trình đổi mới kinh tế Việt Nam đã cho phép lãi suất có những tác động tích cực tới sự phân bổ các nguồn lực kinh tế nói chung, nguồn lực tài chính nói riêng. Sự phân bổ nguồn lực căn cứ vào lãi suất đã dẫn đến các nguồn lực trong nền kinh tế đã được phân bổ theo hướng tăng cường tính hiệu quả.

Bảng 2.16 Phân bổ vốn đầu tư toàn xã hội (Đơn vị tính: %)

Cơ cấu vốn	1991	1995	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
1.Vốn Nhà nước	83,0	38,0	61,9	59,8	56,3	54,0	53,6	51,5
2.Vốn ngoài quốc doanh	47,7	29,4	19,5	22,6	26,2	29,7	30,9	32,2
3.Vốn FDI	14,3	32,3	18,6	17,6	17,5	16,3	15,5	16,3

Nguồn: Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê, 1995, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005 [89]*

Bảng 2.16 cho thấy sự phân bổ vốn đầu tư của Việt Nam đã thay đổi theo hướng hiệu quả hơn: vốn Nhà nước giảm dần, vốn ngoài quốc doanh và vốn FDI tăng dần. Song, do nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, mức độ nhạy cảm của các chủ thể trong nền kinh tế không cao, bản thân lãi suất chưa phải là tín hiệu chính xác của thị trường nên tác động của nó tới sự phân bổ nguồn lực chưa đạt được sự phân bổ hiệu quả cao.

* *Góp phần ổn định kinh tế*

Lãi suất mang tính thị trường hơn đã trở thành một trong những công cụ kiểm soát lạm phát, ổn định giá cả trong nền kinh tế Việt Nam. Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới kinh tế trong tình trạng bất ổn của nền kinh tế: kinh tế sa sút và lạm phát phi mã. Thực tế đó đã đặt ra yêu cầu cấp bách và trước hết là ổn định kinh tế để phát triển.

Bảng 2.18: Tăng trưởng kinh tế và lạm phát ở Việt Nam (Đơn vị :%/ năm)

Năm	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Tăng trưởng kinh tế	9,34	8,15	5,76	4,77	6,79	6,89	7,08	7,34	7,79	8,43
Lạm phát	4,50	3,60	9,20	0,10	-0,60	0,80	4,00	3,00	9,50	8,40

Nguồn : Tổng cục thống kê, *Niên giám Thống kê, năm 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005*[89]

Lãi suất thực dương và linh hoạt đã góp phần chặn đứng được lạm phát ba con số trước năm 1990 và duy trì lạm phát ở mức một con số từ năm 1996 – 2005; ngăn chặn tình trạng giảm phát giai đoạn 1996 – 2000; ổn định tỷ giá. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng lãi suất thực âm tại một số thời điểm, tình trạng giảm phát còn tồn tại trong thời gian dài, nguy cơ lạm phát còn cao (xem bảng 2.18).

* *Góp phần tăng trưởng kinh tế*

Trong điều kiện vốn có mức độ đóng góp lớn nhất vào tốc độ tăng trưởng cao của Việt Nam, lãi suất đã trở thành một trong những nhân tố tác động tới tăng trưởng kinh tế qua việc tích lũy vốn. Số liệu bảng 2.19 cho thấy: tỷ lệ tiết kiệm/GDP, đầu tư/GDP đều được cải thiện, tăng trưởng tín dụng với tốc độ ngày càng cao.

Bảng 2.19 Tình hình tiết kiệm, đầu tư và tăng trưởng tín dụng của Việt Nam

	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Tăng trưởng GDP (%)	6,80	6,80	7,04	7,24	7,70	8,40
Tổng tiết kiệm quốc gia (% GDP)	27,0	28,8	28,8	26,6	27,5	28,10
Tổng đầu tư quốc gia (% GDP)	32,9	34,0	36,0	35,4	36,3	38,70
Tiết kiệm - Đầu tư (% GDP)	-5,90	-5,20	-7,20	-8,80	-8,80	-10,6
Tăng trưởng tín dụng (%/năm)	38,14	21,44	22,20	28,41	41,65	36,1

Nguồn: Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê, từ năm 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005* [89]

Tuy nhiên, lãi suất vẫn chưa có được những tác động mạnh mẽ tới tích lũy vốn cho nền kinh tế, do đó tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

** Phát triển các tổ chức tài chính trung gian*

Từ tình trạng bất ổn của các tổ chức kinh doanh tiền tệ vào cuối những năm 1980, đầu những năm 1990, việc chuyển dần sang xác định lãi suất theo các nguyên tắc thị trường đã góp phần ổn định và phát triển các tổ chức tài chính trung gian này trong nền kinh tế Việt Nam. Nhu cầu vốn trong quá trình đổi mới kinh tế cùng với động cơ lợi nhuận từ lãi suất là những tín hiệu thu hút các nhà đầu tư vào khu vực kinh tế này.

2.3.2 Những hạn chế chủ yếu và nguyên nhân

Luận án chỉ ra bốn bất cập chủ yếu trong chính sách lãi suất hiện hành của Việt Nam khiến cho hiệu lực điều hành lãi suất chưa cao, đó là:

1/ Việc xác định và thực hiện mục tiêu của chính sách lãi suất chưa phù hợp và hiệu quả. Mục tiêu của chính sách lãi suất không được xác định cụ thể và không được điều chỉnh linh hoạt trong ngắn hạn đã khiến cho đôi khi xử lý mối quan hệ giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát trở nên khó khăn.

2/ Các công cụ điều hành lãi suất chưa được hoàn thiện. Hệ thống lãi suất chủ đạo và điều hành lãi suất trên thị trường tiền tệ (lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất thị trường mở) đều chưa hoàn thiện, điều đó làm hạn chế việc sử dụng và sự phối hợp giữa các công cụ này.

3/ Việc điều hành lãi suất chưa chủ động. Những đợt điều chỉnh lãi suất cơ bản, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu thường là bị động và chậm trễ, do đó không thực hiện được vai trò hướng dẫn lãi suất kinh doanh trên thị trường. Tình trạng này diễn ra tại nhiều thời điểm đã dẫn tới tình trạng lãi suất thực trở thành âm và ảnh hưởng tới hiệu quả tác động của công cụ lãi suất trong chống lạm phát.

4/ Chưa có sự phối hợp tốt giữa chính sách lãi suất với các chính sách kinh tế khác như chính sách giá cả, chính sách tài chính.

Luận án cho rằng những bất cập trên của chính sách lãi suất bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau: 1) lãi suất thỏa thuận chưa thực sự là lãi suất thị trường; (2) lãi suất thỏa thuận đang hoạt động trong môi trường thị trường chưa hoàn thiện, do vậy, quyết định của các chủ thể kinh tế chưa nhạy cảm với lãi suất; (3) thị trường tiền tệ chưa phát triển, do đó chưa tạo ra được môi trường thuận lợi cho việc điều hành lãi suất theo tín hiệu thị trường; (4) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa thực sự là một Ngân hàng Trung ương đủ mạnh cả về tổ chức và năng lực điều hành để tăng cường hiệu lực của chính sách lãi suất.

***Tóm tắt chương 2:**

1/ Chính sách lãi suất trước đổi mới kinh tế của Việt Nam là chính sách lãi suất được xây dựng theo nguyên lý kế hoạch hóa tập trung, đã làm sai lệch bản chất kinh tế của lãi suất và lãi suất không có được những vai trò như vốn có của nó. Điều đó cho thấy sự cần thiết phải đổi mới chính sách lãi suất theo hướng thị trường cho phù hợp với quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam.

2/ Đổi mới chính sách lãi suất ở Việt Nam được bắt đầu từ sự thay đổi trong nhận thức, quan điểm về lãi suất và chính sách lãi suất. Trên cơ sở đó, chính sách lãi suất từ chỗ được xây dựng theo nguyên lý kế hoạch hóa tập trung đã chuyển dần sang xây dựng theo các nguyên tắc thị trường. Do đặc thù của nền kinh tế chuyển đổi, sự đổi mới chính sách lãi suất được thực hiện theo một lộ trình gắn liền với quá trình xây dựng và hoàn thiện thể chế thị trường và xây dựng, phát triển thị trường tài chính. Việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận hiện hành đã cho phép lãi suất bước đầu được xác định chủ yếu theo tín hiệu thị trường.

3/ Chính sách lãi suất từng bước theo nguyên tắc thị trường của Việt Nam có nhiều thành công đã cho phép lãi suất có những tác động tích cực. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, quá trình tự do hóa lãi suất ở Việt Nam chưa hoàn thành, chính sách lãi suất chưa chủ động và hiệu quả. Khi Việt Nam hội nhập quốc tế sâu rộng hơn thì chính sách lãi suất này cần phải được tiếp tục hoàn thiện một cách tích cực nhằm xác lập và kiểm soát lãi suất theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC HOÀN THIỆN

CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

3.1 MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2010 VÀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT

3.1.1 Mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam đến năm 2010

Luận án phân tích bối cảnh mới của nền kinh tế Việt Nam khi bước vào giai đoạn 2006- 2010, những cơ hội và thách thức đặt ra cho đất nước và mục tiêu chiến

lược phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2010. “*Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*” được coi là mục tiêu trực tiếp của Đại hội X trong giai đoạn này.

Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2010 của Việt Nam cho thấy hội nhập kinh tế quốc tế là một trong những sức đẩy chính của đổi mới kinh tế. Quá trình này đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới kinh tế nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế- xã hội đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020 và tham gia WTO một cách hiệu quả.

3.1.2 Quan điểm định hướng hoàn thiện chính sách lãi suất của Việt Nam

Để thực hiện mục tiêu chiến lược kinh tế - xã hội đến năm 2010, chính sách lãi suất của Việt Nam càng cần phải được tiếp tục hoàn thiện. Luận án phân tích các quan điểm định hướng tiếp tục hoàn thiện chính sách lãi suất như sau: 1) tiếp tục thực hiện chính sách lãi suất tự do hóa cùng với việc thiết lập và nâng cao hiệu quả hệ thống lãi suất điều tiết thị trường; 2) Chính sách lãi suất phải trở thành bộ phận quan trọng của chính sách tiền tệ nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế vĩ mô; 3) Hoàn thiện chính sách lãi suất theo hướng hình thành một thị trường tài chính phát triển, mở cửa, tạo ra sự cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể tham gia thị trường.

3.2 MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

Luận án cho rằng: hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng đòi hỏi Việt Nam cần có các giải pháp nhằm xác lập lãi suất thị trường thực sự và những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế trong chính sách lãi suất hiện hành. Bên cạnh đó cũng cần có những giải pháp mang tính điều kiện để có thể hoàn thiện và thực thi chính sách lãi suất trong giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế.

3.2.1 Xây dựng thị trường tín dụng thống nhất và cạnh tranh cao

Luận án chỉ rõ: đặc điểm của thị trường tín dụng Việt Nam là tính thống nhất không cao, bị phân mảnh và còn chịu sự can thiệp khá lớn từ Chính phủ cả phía cung lẫn phía cầu tín dụng, dẫn đến trên thị trường này chưa tạo ra được mặt bằng chung về lãi suất thỏa thuận và lãi suất chưa thực sự được hình thành theo tín hiệu thị trường. Từ đó, luận án đưa ra các giải pháp nhằm xây dựng thị trường tín dụng thống nhất và mang tính cạnh tranh cao, đó là: cần xóa bỏ sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước tới

doanh nghiệp và ngân hàng; đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp Nhà nước; cải cách mạnh mẽ hệ thống ngân hàng; nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại.

3.2.2 Xác định rõ mục tiêu hàng đầu của chính sách lãi suất

Mục tiêu của chính sách lãi suất cần được xác định một cách rõ ràng, cụ thể:

Một là, cần phải xác định rõ ổn định giá cả, kiểm soát lạm phát là mục tiêu hàng đầu của chính sách lãi suất, từ đó lãi suất được điều chỉnh theo hướng trước hết nhằm ổn định giá cả, kiểm soát lạm phát.

Hai là, cần phải có những dự báo tốt về diễn biến của tình hình trong nước và quốc tế để có thể xác định được mục tiêu của chính sách lãi suất một cách chuẩn xác và có thể điều chỉnh mục tiêu ngắn hạn một cách chủ động.

3.2.3 Hoàn thiện các công cụ của chính sách lãi suất

Tính chưa hoàn thiện của các công cụ cùng với cơ chế điều hành lãi suất chưa hiệu quả, đã dẫn đến các loại lãi suất kinh doanh hiện hành chưa phải là những tín hiệu tốt của thị trường và việc thực hiện chính sách lãi suất chưa hiệu quả của Việt Nam. Để hoàn thiện các công cụ của chính sách lãi suất cần có các giải pháp sau:

Đối với nghiệp vụ thị trường mở: để phát triển thị trường mở, cần có những giải pháp như:

1/ Tăng cường công cụ cho thị trường mở.

2/ Ngân hàng Nhà nước cần xác định mức lãi suất cao nhất khi bán và mức lãi suất thấp nhất khi mua phù hợp với định hướng của chính sách lãi suất từng thời kỳ để có thể chủ động trong xác định lãi suất.

3/ Phát triển thị trường liên ngân hàng là điều kiện tốt nhất cho mở mang thị trường mở ở Việt Nam.

4/ Cần khuyến khích các thành viên tham gia, đặc biệt là các tổ chức tài chính phi ngân hàng.

Đối với các loại lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố:

1/ Ngân hàng Nhà nước nên bỏ việc công bố lãi suất cơ bản, chỉ nên công bố lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu.

2/ Cần hoàn thiện lãi suất tái cấp vốn và lãi suất tái chiết khấu bằng các giải pháp: lựa chọn cách qui định về lãi suất tái cấp vốn trên cơ sở dự báo thị trường về nhu cầu vốn; tích cực bãi bỏ tín dụng theo chỉ định của Chính phủ để các chủ thể vay vốn chủ động hơn về nguồn vốn và sử dụng vốn hiệu quả hơn.

3.2.4 Xác định cơ chế kiểm soát lãi suất

Cần thiết kế được một cơ chế kiểm soát lãi suất theo hướng thị trường, trong đó, Ngân hàng Nhà nước sẽ đứng ra làm đầu mối tổ chức đấu thầu tín phiếu kho bạc, kỳ phiếu, tín phiếu ngân hàng thương mại, chứng chỉ tiền gửi... phát hành lần đầu cho một số tổ chức đại lý trên thị trường sơ cấp. Tổ chức đại lý và các thành viên khác của thị trường tiền tệ căn cứ vào nhu cầu về dự trữ sẽ thực hiện mua bán các công cụ với nhau, tạo nên các mức lãi suất phù hợp của thị trường tiền tệ. Khi vận hành tương đối hoàn chỉnh, các mức lãi suất này sẽ là tín hiệu quan trọng để Ngân hàng Nhà nước can thiệp thông qua thị trường mở nhằm đạt được mức lãi suất thị trường mong muốn.

3.2.5 Tách bạch một cách triệt để các hoạt động cho vay chính sách ra khỏi hoạt động cho vay thương mại

Cần tách bạch một cách triệt để cho vay chính sách khỏi cho vay thương mại và có những giải pháp để Ngân hàng Chính sách Xã hội hoạt động hiệu quả hơn, cho vay ưu đãi được mở rộng mà không ảnh hưởng tới lãi suất kinh doanh của các tổ chức tài chính khác.

1/ Cần tiếp tục mở rộng mô hình Ngân hàng Chính sách xã hội tới việc thực hiện các mục tiêu chính sách khác như: hỗ trợ xuất, nhập khẩu, hỗ trợ những ngành công nghệ mới.

2/ Tạo điều kiện để Ngân hàng Chính sách Xã hội đa dạng được nguồn vốn và tăng tỷ lệ vốn huy động; mặt khác, cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa Ngân hàng Chính sách Xã hội với các tổ chức tín dụng khác để có thể duy trì khách hàng vay vốn.

3.2.6 Các giải pháp khác

****Giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế thị trường:***

1/ Cần tích cực đổi mới nhận thức về “*nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”, điều đó sẽ cho phép Việt Nam có thể “*đoạn tuyệt*” hoàn toàn với nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung.

2/ Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý theo hướng hoàn chỉnh, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với thông lệ quốc tế. Hệ thống Luật cần tiếp tục bổ sung, sửa đổi, thực hiện đầy đủ theo hướng hoàn thiện chế độ pháp lý về sở hữu, bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các chủ thể kinh tế.

3/ Xây dựng đồng bộ và phát triển các thị trường như: thị trường hàng hóa, dịch vụ; thị trường tài chính; thị trường bất động sản; thị trường lao động; thị trường khoa học và công nghệ.

4/ Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các hình thức tổ chức kinh doanh nhằm tạo ra các chủ thể của nền kinh tế thị trường phong phú và đa dạng, vừa cạnh tranh, vừa hợp tác với nhau trong quá trình tồn tại và phát triển.

5/ Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước.

6/ Đẩy mạnh cải cách hành chính.

****Giải pháp phát triển thị trường tiền tệ:***

1/ Hoàn thiện khung pháp lý cho sự phát triển thị trường tiền tệ thứ cấp; đa dạng hóa các công cụ trên thị trường tiền tệ.

2/ Hoàn thiện các thị trường tiền tệ bộ phận, đặc biệt là thị trường liên ngân hàng.

****Giải pháp xây dựng Ngân hàng Nhà nước thành một Ngân hàng Trung ương hiện đại:***

1 /Cần tách bạch giữa Ngân hàng Nhà nước với ngân hàng thương mại Nhà nước để Ngân hàng Nhà nước thực sự là “*ngân hàng của các ngân hàng*”.

2/ Đảm bảo sự độc lập tương đối của Ngân hàng Nhà nước với Chính phủ để Ngân hàng Nhà nước thực sự là “*Ngân hàng của Chính phủ*”.

3/ Không ngừng nâng cao năng lực hoạt động để Ngân hàng Nhà nước có đủ năng lực điều hành hiệu quả chính sách lãi suất.

Tóm tắt chương 3:

1/ Việt Nam bước vào giai đoạn 2006 – 2010 với nhiều cơ hội và thách thức mới. Việc thực hiện chiến lược kinh tế xã hội của giai đoạn này gắn liền với hội nhập kinh tế quốc tế. Quá trình này đòi hỏi phải đẩy mạnh hơn nữa công cuộc cải cách kinh tế

và đổi mới các chính sách kinh tế, trong đó có chính sách lãi suất theo hướng thị trường. Khi nền kinh tế định hướng thị trường hơn thì chính sách lãi suất càng cần phải hoàn thiện hơn do vị trí của biến số lãi suất càng được khẳng định.

2/ Định hướng tiếp tục hoàn thiện chính sách lãi suất trong giai đoạn mới phải theo hướng tiếp tục hoàn thiện chính sách tự do hóa, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế vĩ mô và hình thành một thị trường tài chính phát triển và mở cửa. Đây là những định hướng rất quan trọng do khi Việt Nam bước vào hội nhập kinh tế quốc tế thì ngay từ đầu, lĩnh vực tài chính, ngân hàng sẽ là lĩnh vực bị ảnh hưởng lớn.

3/ Để hoàn thiện chính sách lãi suất của Việt Nam, cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp: *một mặt*, cần có những giải pháp nhằm xác định lãi suất theo tín hiệu thị trường và tiếp tục hoàn thiện chính sách lãi suất cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế; *mặt khác*, cần có những giải pháp mang tính điều kiện để có thể xây dựng và thực thi chính sách lãi suất theo các nguyên tắc thị trường.

KẾT LUẬN

Đổi mới chính sách lãi suất ở Việt Nam thực chất là quá trình chuyển từ chính sách lãi suất được xây dựng theo nguyên lý kế hoạch hóa tập trung sang chính sách lãi suất được xây dựng theo nguyên tắc thị trường. Đó là quá trình phức tạp do nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi. Nghiên cứu quá trình đó, với những nội dung trình bày trên, luận án đã giải quyết được những vấn đề sau:

1/ Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của chính sách lãi suất trong thời kỳ đổi mới kinh tế ở Việt Nam.

Một là, trong nền kinh tế thị trường, lãi suất là giá cả của hàng hóa vốn. Việc khẳng định lãi suất là một loại giá có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì khi đó lãi suất là một biến số được quyết định chủ yếu bởi quan hệ cung - cầu vốn trên thị trường và luôn thay đổi theo những biến động của thị trường; cơ chế hình thành và vận động của lãi suất chịu sự chi phối của các quy luật thị trường. Điều đó cũng có nghĩa là việc cố định lãi suất ở một mức nào đó, hoặc một sự can thiệp quá sâu vào lãi suất đều sẽ làm méo mó biến số này.

Hai là, Chính sách lãi suất là một bộ phận của chính sách tiền tệ quốc gia, được sử dụng để kiểm soát lãi suất – mục tiêu trung gian, từ đó thực hiện mục tiêu cuối

cùng của chính sách tiền tệ. Trong nền kinh tế thị trường, các quốc gia thường sử dụng các công cụ gián tiếp của chính sách lãi suất tác động tới cung – cầu tiền, do đó tới lãi suất. Tuy nhiên, việc hoạch định và thực thi chính sách lãi suất phụ thuộc vào nhiều nhân tố như: trình độ phát triển của thị trường, tình trạng của hệ thống tài chính, năng lực của Ngân hàng Trung ương...

Ba là, Kinh nghiệm của các nền kinh tế chuyển đổi từ kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường, đặc biệt là kinh nghiệm của Trung Quốc trong xây dựng và điều hành lãi suất là những gợi ý quan trọng đối với việc xây dựng và thực thi chính sách lãi suất theo các nguyên tắc thị trường của Việt Nam. Những kinh nghiệm đó là: 1) cần có sự thay đổi trong nhận thức về lãi suất; 2) chính sách lãi suất theo nguyên tắc thị trường cần phải theo lộ trình phù hợp với cải cách kinh tế và sự phát triển của khu vực tài chính; 3) cần phải xác định rõ mục tiêu của chính sách lãi suất; cần phải hoàn thiện các công cụ điều hành lãi suất gián tiếp; phát triển thị trường tiền tệ và cải cách mạnh mẽ Ngân hàng Trung ương.

2/ Luận án chỉ rõ: chính sách lãi suất trước đổi mới kinh tế của Việt Nam là chính sách lãi suất được xây dựng theo nguyên lý kế hoạch hóa tập trung, không hướng tới tính hiệu quả kinh tế. Chính sách lãi suất này đã làm trầm trọng thêm tình trạng trì trệ, khủng hoảng trong nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 1976- 1985. Điều đó cho thấy sự cần thiết phải đổi mới chính sách lãi suất cho phù hợp với quá trình đổi mới kinh tế ở Việt Nam, phải chuyển sang chính sách lãi suất theo các nguyên tắc thị trường.

3/ Luận án tổng kết quá trình đổi mới và phân tích những tác động của chính sách lãi suất gắn với quá trình đổi mới kinh tế Việt Nam, luận án đã đưa ra những đánh giá về những thành công chủ yếu trong quá trình đổi mới và thực thi chính sách lãi suất theo hướng thị trường. Luận án đặc biệt nhấn mạnh những bất cập trong quá trình này và nguyên nhân của tình hình. Những bất cập đó là: lãi suất thỏa thuận hiện hành vẫn chưa phải là lãi suất thị trường; mục tiêu của chính sách lãi suất chưa rõ ràng, nhất là mục tiêu ngắn hạn; các công cụ gián tiếp của chính sách tiền tệ chưa hoàn thiện; tính chủ động trong điều hành chính sách lãi suất không cao và chưa có sự phối hợp tốt giữa chính sách tiền tệ với các chính sách kinh tế khác. Luận án cho rằng, tình hình trên có nguyên nhân từ: thể chế thị trường ở Việt Nam chưa hoàn

thiện; thị trường tiền tệ chưa phát triển và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chưa đủ mạnh để điều hành hiệu quả chính sách lãi suất.

4/ Luận án đóng góp vào việc đưa ra định hướng và giải pháp tiếp tục hoàn thiện chính sách lãi suất của Việt Nam trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng:

Thứ nhất, luận án phân tích bối cảnh kinh tế mới của Việt Nam trong giai đoạn 2006 – 2010, với nhiều cơ hội và thách thức mới, đặc biệt là những cơ hội và thách thức khi hội nhập quốc tế thị trường tiền tệ. Trên cơ sở đó, luận án trình bày mục tiêu chiến lược kinh tế- xã hội đến năm 2010 của đất nước và vị trí của chính sách tiền tệ nói chung, của chính sách lãi suất nói riêng trong giai đoạn phát triển mới.

Thứ hai, luận án trình bày những quan điểm định hướng hoàn thiện chính sách lãi suất: tiếp tục hoàn thiện chính sách tự do hóa, chính sách lãi suất phải trở thành một bộ phận quan trọng của chính sách tiền tệ và hình thành một thị trường tài chính phát triển và mở cửa. Đây là những định hướng rất quan trọng do khi Việt Nam bước vào hội nhập kinh tế quốc tế thì ngay từ đầu, lĩnh vực tài chính, ngân hàng sẽ là lĩnh vực bị ảnh hưởng lớn.

Thứ ba, luận án cho rằng: để tiếp tục hoàn thiện chính sách lãi suất của Việt Nam, cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp: *một mặt*, cần có những giải pháp nhằm xác định lãi suất theo tín hiệu thị trường và tiếp tục hoàn thiện chính sách lãi suất cho phù hợp với giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế; *mặt khác*, cần có những giải pháp mang tính điều kiện để có thể xây dựng và thực thi chính sách lãi suất theo các nguyên tắc thị trường, đó là: phát triển thị trường tiền tệ, hoàn thiện thể chế thị trường, nâng cao năng lực điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bằng việc xây dựng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trở thành một Ngân hàng Trung ương hiện đại.

Cuối cùng, tác giả luận án cho rằng, việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ nói chung, đổi mới chính sách lãi suất nói riêng theo các nguyên tắc thị trường luôn là vấn đề phức tạp và mang tính thời sự cao trong giai đoạn phát triển mới của nền kinh tế Việt Nam. Do vậy, việc tiếp tục nghiên cứu nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện chính sách sẽ vẫn còn là vấn đề đòi hỏi sự quan tâm của ngành kinh tế chính trị học và các ngành kinh tế khác.